

Số: **75** /TNS-TCKT
“V/v: giải trình chênh lệch LNST
trên 10% BCKQHĐKD bán niên
2021 đã kiểm toán so với cùng kỳ”

Phụ Mỹ, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 của Công Ty CP Thép Tâm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (TNS) xin giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên 10% Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 so với 6 tháng đầu năm 2020 là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng sản xuất 6 tháng đầu năm 2021 tăng 55,6% và sản lượng tiêu thụ tăng 59,2% so với cùng kỳ.
- Trong 6 tháng đầu năm 2021, TNS chủ yếu hoạt động gia công cuộn thép do yếu tố tích cực từ phía thị trường. Theo đó, hoạt động gia công có doanh thu thấp tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận cao hơn hoạt động sản xuất thành phẩm. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiệu quả dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp đều tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Với các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến LNST 6 tháng đầu năm 2021 của TNS tăng hơn 10% so với cùng kỳ.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, đóng dấu)



Nguyễn Huy Thọ

Số: **76** /TNS-TCKT
V/v: giải trình ý kiến kiểm toán
ngoại trừ BCTC bán niên năm
2021

Phú Mỹ, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 của Công Ty CP Thép Tắm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

TNS xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán liên quan đến việc chi phí lãi bảo lãnh của Tổng Công Ty Thép Việt Nam- CTCP (VNS), chi phí lãi chậm trả mua hàng của công ty TNHH MTV Thép Tắm Lá Phú Mỹ (PFS), các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2021 và chi phí khấu hao tài sản cố định trong 6 tháng đầu năm 2021:

- Do tình hình tài chính khó khăn nên TNS đã làm việc với VNS và PFS về kế hoạch trả nợ và việc không tính lãi cho khoản dư nợ vào BCTC năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và 6 tháng năm 2021.

- Về các khoản vay đến hạn trả sẽ phải thanh toán trước thời điểm 30/06/2021: do tình hình tài chính của TNS vẫn rất khó khăn, TNS đã nhiều lần làm công văn gửi các đơn vị tài chính khoan nợ, giảm lãi suất, giãn thời gian trả nợ đến năm 2023. TNS vẫn đang cố gắng duy trì thực hiện đúng kế hoạch trả nợ mà TNS đã thực hiện trong năm 2020.

- Về việc ước tính và ghi nhận chi phí khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2021: do sản lượng sản xuất 6 tháng đầu năm ổn định, vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp trên cả nước khả năng sẽ kéo dài đến cuối năm do đó TNS đã ước tính và trích chi phí khấu hao nhiều hơn 3,96 tỷ để dự phòng cho các tháng cuối năm khi sản lượng sản xuất kinh doanh ít hoặc không có nhưng vẫn giữ được kết quả kinh doanh.

- Các vấn đề khác:

Trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các vấn đề như:

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tắm Lá Phú Mỹ - Vnsteel.
2. Các dấu hiệu về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2020 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Các vấn đề khác nêu trên, TNS đã giải trình trong các báo cáo trước đây vì đây là các vấn đề mà kiểm toán chỉ nhắc lại.

Trên đây là giải trình của TNS về báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, đóng dấu)



Nguyễn Huy Thọ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-31

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Ủy viên
Ông Lê Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Thọ	Ủy viên
Bà Trần Thanh Hương	Ủy viên
Ông Lại Văn Quyền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên	
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được lập ngày 30 tháng 07 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel. Căn cứ theo lãi suất quy định trên hợp đồng và dư nợ, số tiền lãi vay và lãi chậm trả lũy kế đến 30/06/2021 là 44,58 tỷ VND (Trong đó số tiền lãi vay và lãi chậm trả lũy kế đến 01/01/2021 là 40,98 tỷ đồng). Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thừa với cùng số tiền là 44,58 tỷ VND (tại ngày 01/01/2020 chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thừa với cùng số tiền là số tiền là 40,98 tỷ VND). Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) đang phản ánh thừa số tiền là 3,6 tỷ VND.

2. Công ty đang ước tính và ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định trong 06 tháng đầu năm 2021 dựa theo tỷ lệ sản lượng thực tế so với tổng sản lượng thực tế năm trước với số tiền là 20,28 tỷ đồng. Theo ước tính của chúng tôi, chi phí khấu hao cần được xác định dựa theo tỷ lệ sản lượng thực tế so với tổng sản lượng kế hoạch của năm nay (Theo quyết định số 32/QĐ-VNS ngày 05/03/2021 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021). Giá trị khấu hao ước tính lại là 16,32 tỷ đồng. Điều này dẫn đến trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế" (Mã số 223) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thiếu 3,96 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" (Mã số 11) phản ánh thừa và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) đang phản ánh thiếu cùng số tiền là 3,96 tỷ đồng.
3. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 248,42 tỷ VND (tại 01 tháng 01 năm 2021 là 262,55 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 174,29 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 208,55 tỷ VND), khả năng thanh toán nhanh là 0,47 (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 0,11). Đồng thời, lỗ lũy kế của Công ty tại 30/06/2021 là 184 tỷ đồng, nợ phải trả (MS300) lớn gấp 30,6 lần vốn chủ sở hữu (MS410). Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó, Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được Soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra kết luận bởi các cơ sở sau:

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel. Đối với chi phí lãi vay phát sinh 6 tháng đầu năm 2020, Các bên vẫn đang trong quá trình thương thảo và đàm phán do đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020. Đến thời điểm hiện tại, các bên đã thống nhất và xác định được lãi suất của các khoản lãi chậm trả, chậm thanh toán.
2. Các dấu hiệu về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2020 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		259.246.306.655	106.113.313.046
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	76.103.247.717	11.394.473.714
111	1. Tiền		67.353.247.717	8.730.521.720
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.750.000.000	2.663.951.994
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		124.627.095.767	22.202.373.936
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	90.742.614.451	10.357.934.884
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	30.637.537.457	3.528.846.797
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.246.943.859	8.315.592.255
140	IV. Hàng tồn kho	7	57.051.065.707	70.535.878.701
141	1. Hàng tồn kho		57.051.065.707	70.535.878.701
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.464.897.464	1.980.586.695
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.404.894.403	497.947.345
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.170.209	1.427.979.849
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	41.832.852	54.659.501
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		270.435.103.843	292.148.095.029
220	II. Tài sản cố định		250.505.588.371	270.357.508.597
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	250.505.588.371	270.357.508.597
222	- Nguyên giá		541.798.911.407	541.369.165.697
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(291.293.323.036)	(271.011.657.100)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		19.929.515.472	21.790.586.432
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	19.929.515.472	21.790.586.432
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		529.681.410.498	398.261.408.075



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

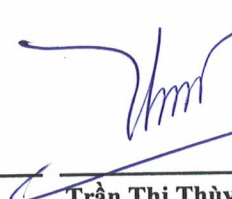
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		512.917.049.391	394.389.230.702
310	I. Nợ ngắn hạn		433.536.559.425	314.658.740.736
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	163.283.239.368	113.642.722.676
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	72.970.311.815	3.693.736.486
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.765.665.223	-
314	4. Phải trả người lao động		3.348.208.758	2.734.672.020
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	27.484.282.898	17.427.794.892
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	87.531.948.733	87.740.568.857
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	74.043.453.463	89.309.796.638
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		109.449.167	109.449.167
330	II. Nợ dài hạn		79.380.489.966	79.730.489.966
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	79.380.489.966	79.730.489.966
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.764.361.107	3.872.177.373
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	16.764.361.107	3.872.177.373
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		769.839.744	769.839.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(184.005.478.637)	(196.897.662.371)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(196.897.662.371)	(206.614.302.215)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		12.892.183.734	9.716.639.844
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		529.681.410.498	398.261.408.075


Võ Thị Thủy
Người lập


Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng




Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	694.777.739.133	500.127.136.810
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	6.631.700	43.110.958
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		694.771.107.433	500.084.025.852
11	4. Giá vốn hàng bán	20	672.358.817.294	491.878.012.357
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.412.290.139	8.206.013.495
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	436.010.791	111.842.209
22	7. Chi phí tài chính	22	3.584.163.027	317.236.401
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.526.757.202	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	1.325.303.863	872.741.494
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.784.950.146	3.542.766.972
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.153.883.894	3.585.110.837
31	11. Thu nhập khác		-	188.593.653
32	12. Chi phí khác	25	261.700.160	189.042.139
40	13. Lợi nhuận khác		(261.700.160)	(448.486)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.892.183.734	3.584.662.351
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.892.183.734</u>	<u>3.584.662.351</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	645	179


Võ Thị Thủy
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởngNguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.892.183.734	3.584.662.351
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		20.281.665.936	15.544.768.420
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(339.012.029)	311.227.811
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(91.705.842)	(82.914.780)
06	- Chi phí lãi vay		3.526.757.202	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.269.889.001	19.357.743.802
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(101.014.905.264)	(4.661.549.184)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.484.812.994	(134.098.811)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		131.350.515.403	(4.594.591.973)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		954.123.902	815.942.686
14	- Tiền lãi vay đã trả		(394.098.712)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(3.930.640)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		80.650.337.324	10.779.515.880
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(429.745.710)	(89.924.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		104.525.564	73.330.151
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(325.220.146)	(16.593.849)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(15.616.343.175)	(6.294.555.840)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.616.343.175)	(6.294.555.840)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		64.708.774.003	4.468.366.191
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.394.473.714	17.828.849.739
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	76.103.247.717	22.297.215.930

Võ Thị Thùy
Người lập

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 89 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 88 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2021, lỗ lũy kế của Công ty là 184 tỷ đồng, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 174,29 tỷ đồng, các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 248,82 tỷ đồng. Tuy nhiên, các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty được Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của Công ty với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

Trong kỳ, Công ty đẩy mạnh hoạt động gia công cuộn do yếu tố tích cực từ phía thị trường. Theo đó, hoạt động gia công có doanh thu thấp tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận cao hơn hoạt động sản xuất thành phẩm. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiệu quả dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp đều tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.

Trục cán thép và phụ tùng trục cán được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào chi phí trong kỳ theo mức tiêu hao thực tế phát sinh.

Chi phí sửa chữa, chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 12 tháng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	489.986.711	403.385.519
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.863.261.006	8.327.136.201
Các khoản tương đương tiền (*)	8.750.000.000	2.663.951.994
	<u>76.103.247.717</u>	<u>11.394.473.714</u>

(*) Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 8.750.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất 3%/năm.

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần tôn Đông Á	70.456.069.861	-	10.253.409.493	-
- Công ty Cổ phần TMSX Tôn Tân Phước Khanh	-	-	42.619.200	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Vina One	20.246.448.086	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	40.096.504	-	61.906.191	-
	<u>90.742.614.451</u>	<u>-</u>	<u>10.357.934.884</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị Quang Minh	1.384.680.000	-	1.384.680.000	-
- Powermax Coparation	-	-	1.164.835.840	-
- Ecco Roller Blobal Co.Ltd	-	-	474.282.450	-
- Công ty TNHH Atlas Copco Việt Nam	502.755.004	-	4	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bình Trị (*)	26.400.000.000	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	2.350.102.453	-	505.048.503	-
	30.637.537.457	-	3.528.846.797	-

(*) Khoản trả trước cho người bán theo hợp đồng mua bán số 15062021/BT-TNFS ngày 15/06/2021 với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bình Trị.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.705.479	-	12.819.722	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	63.151.863	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3.814.925	-	3.814.925	-
Tạm ứng	240.689.297	-	100.467.707	-
Ký cược, ký quỹ	2.918.334.158	-	8.082.773.967	-
Phải thu khác	52.400.000	-	52.564.071	-
	3.246.943.859	-	8.315.592.255	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	53.944.888.421	-	59.953.922.648	-
Công cụ, dụng cụ	27.985.609	-	21.927.001	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.078.191.677	-	-	-
Thành phẩm	-	-	10.560.029.052	-
	57.051.065.707	-	70.535.878.701	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHÁT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	74.852.755.884	445.114.642.360	19.925.625.063	1.476.142.390	541.369.165.697					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	429.745.710	-	-	-	429.745.710					
Số dư cuối kỳ	75.282.501.594	445.114.642.360	19.925.625.063	1.476.142.390	541.798.911.407					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	21.077.785.117	228.949.916.114	19.885.949.928	1.098.005.941	271.011.657.100					
- Khấu hao trong kỳ	1.482.202.768	18.715.617.082	23.891.809	59.954.277	20.281.665.936					
Số dư cuối kỳ	22.559.987.885	247.665.533.196	19.909.841.737	1.157.960.218	291.293.323.036					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	53.774.970.767	216.164.726.246	39.675.135	378.136.449	270.357.508.597					
Tại ngày cuối kỳ	52.722.513.709	197.449.109.164	15.783.326	318.182.172	250.505.588.371					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 249.446.800.120 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.547.606.277 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	847.474.276	-
Chi phí bảo hiểm	-	121.817.385
Chi phí sửa chữa	168.332.127	308.356.627
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	389.088.000	67.773.333
	1.404.894.403	497.947.345
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	6.327.634.903	7.842.930.009
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	13.601.880.569	13.765.826.167
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	181.830.256
	19.929.515.472	21.790.586.432

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	43.003.673.636	43.003.673.636	44.003.673.636	44.003.673.636
Công ty Cổ phần tôn Đông Á	68.683.323.635	68.683.323.635	36.987.578.100	36.987.578.100
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	21.335.810.339	21.335.810.339	22.394.737.936	22.394.737.936
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Tây Nam	19.741.531.205	19.741.531.205	-	-
Phải trả các đối tượng khác	10.518.900.553	10.518.900.553	10.256.733.004	10.256.733.004
	163.283.239.368	163.283.239.368	113.642.722.676	113.642.722.676
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	43.003.673.636	43.003.673.636	44.003.673.636	44.003.673.636
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	21.335.810.339	21.335.810.339	22.335.810.339	22.335.810.339
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	2.183.266.498	2.183.266.498	2.183.266.498	2.183.266.498
	66.522.750.473	66.522.750.473	68.522.750.473	68.522.750.473
c) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	64.339.483.975	64.339.483.975	66.398.411.572	66.398.411.572

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN THEP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Tôn Phương Nam	72.902.235.170	3.625.659.841
Công ty TNHH MTV Sản xuất Vĩnh Tiến Phát	53.148.817	53.148.817
Các khách hàng khác	14.927.828	14.927.828
	72.970.311.815	3.693.736.486
	72.902.235.170	3.625.659.841

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6.822.519.985	2.056.854.762	-	4.765.665.223
Thuế Thu nhập cá nhân	54.659.501	-	67.813.838	54.987.189	41.832.852	-
Các loại thuế khác	-	-	66.200.000	66.200.000	-	-
	54.659.501	-	6.956.533.823	2.178.041.951	41.832.852	4.765.665.223

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	20.584.302.658	17.095.884.259
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	5.725.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	1.174.980.240	331.910.633
	27.484.282.898	17.427.794.892

(*) Tại thời điểm 30/06/2021, toàn bộ chi phí lãi vay là lãi vay phải trả Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt đã quá hạn thanh toán. Số liệu này được xác định dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất đối với từng hợp đồng vay.

14 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	23.015.713	11.237.862
- Bảo hiểm y tế	1.955.723	1.955.723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	17.244.886.262	17.281.853.288
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	16.553.353.525	16.872.146.408
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	20.188.142.638	20.188.142.638
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	12.347.582.441	12.347.582.441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	236.221.112	100.859.178
	87.531.948.733	87.740.568.857
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Lãi vay chậm trả	53.986.382.425	54.342.142.334
- Lãi chậm trả công nợ	33.284.373.760	33.284.373.760
	87.270.756.185	87.626.516.094
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	53.472.516.398	53.472.516.398

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	89.309.796.638	89.309.796.638	-	15.266.343.175	74.043.453.463	74.043.453.463
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) (1)	89.309.796.638	89.309.796.638	-	15.266.343.175	74.043.453.463	74.043.453.463
	89.309.796.638	89.309.796.638	-	15.266.343.175	74.043.453.463	74.043.453.463
b) Vay dài hạn						
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) (1)	89.309.796.638	89.309.796.638	-	15.266.343.175	74.043.453.463	74.043.453.463
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP(2)	79.730.489.966	79.730.489.966	-	350.000.000	79.380.489.966	79.380.489.966
	169.040.286.604	169.040.286.604	-	15.616.343.175	153.423.943.429	153.423.943.429
	(89.309.796.638)	(89.309.796.638)		(15.266.343.175)	(74.043.453.463)	(74.043.453.463)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	79.730.489.966	79.730.489.966			79.380.489.966	79.380.489.966
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

(a) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 2.416.100 USD, tương đương với 55.860.232.000 VND; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(b) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 18.183.221.463 VND, toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(2) Khoản vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2021 là 79.380.489.966 đồng.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2021		01/01/2021	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	74.043.453.463	37.829.188.920	89.309.796.638	34.377.737.547
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	20.188.142.638	-	20.188.142.638
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	16.553.353.525	-	16.872.146.408
	74.043.453.463	74.570.685.083	89.309.796.638	71.438.026.593

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

d) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	30/06/2021		01/01/2021	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (*)	79.380.489.966	20.188.142.638	79.730.489.966	20.188.142.638
	79.380.489.966	20.188.142.638	79.730.489.966	20.188.142.638
Mối quan hệ:				
(*) Cổ đông lớn				

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	769.839.744	(206.614.302.215)	(5.844.462.471)
Lãi trong kỳ trước	-	-	3.584.662.351	3.584.662.351
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	769.839.744	(203.029.639.864)	(2.259.800.120)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	769.839.744	(196.897.662.371)	3.872.177.373
Lãi trong kỳ này	-	-	12.892.183.734	12.892.183.734
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	769.839.744	(184.005.478.637)	16.764.361.107

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	31,25%	62.494.810.000	31,25%	62.494.810.000
Công ty Tôn Phương Nam	5,00%	10.000.000.000	5,00%	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	7,00%	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	7,00%	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	6,00%	11.999.090.000	6,00%	11.999.090.000
Cổ đông khác	43,75%	87.506.100.000	43,75%	87.506.100.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
d) Cổ phiếu		
	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	769.839.744	769.839.744
	769.839.744	769.839.744
17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Tài sản cho thuê ngoài		
Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2008 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 22.400 m ² . Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
b) Ngoại tệ các loại		
	30/06/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	204,62	204,62
18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	618.623.992.664	462.839.622.678
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.029.997.361	28.613.316.509
Doanh thu bán phế liệu	19.123.749.108	8.674.197.623
	694.777.739.133	500.127.136.810
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31</i>)	44.359.264.867	245.575.834.260

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	6.631.700	43.110.958
	<u>6.631.700</u>	<u>43.110.958</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	611.966.204.961	458.104.734.491
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.717.838.401	24.716.251.940
Giá vốn phế liệu	17.674.773.932	9.057.025.926
	<u>672.358.817.294</u>	<u>491.878.012.357</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

<u>5.241.067.600</u>	<u>-</u>
-----------------------------	-----------------

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	91.705.842	82.914.780
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.292.920	28.927.429
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	339.012.029	-
	<u>436.010.791</u>	<u>111.842.209</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.526.757.202	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	57.405.825	6.008.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	311.227.811
	<u>3.584.163.027</u>	<u>317.236.401</u>

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.863.870	4.121.290
Chi phí nhân công	1.308.664.630	724.954.376
Chi phí khác bằng tiền	14.775.363	143.665.828
	<u>1.325.303.863</u>	<u>872.741.494</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.380.711	51.462.492
Chi phí nhân công	2.516.863.361	1.528.706.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.932.863	55.919.365
Thuế, phí, lệ phí	-	34.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	952.690.945	853.842.281
Chi phí khác bằng tiền	1.180.082.266	1.018.236.670
	4.784.950.146	3.542.766.972

25 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	124.000.000	123.000.000
Chi phí khác	137.700.160	66.042.139
	261.700.160	189.042.139

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.892.183.734	3.584.662.351
Các khoản điều chỉnh giảm	(12.892.183.734)	(3.584.662.351)
- Chuyển lỗ các năm trước	(12.892.183.734)	(3.584.662.351)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.892.183.734	3.584.662.351
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.892.183.734	3.584.662.351
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	645	179

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	613.743.628.590	457.475.297.620
Chi phí nhân công	12.629.403.566	7.622.861.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.281.665.936	15.544.768.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.271.779.680	14.436.231.167
Chi phí khác bằng tiền	1.060.756.156	2.440.066.396
	670.987.233.928	497.519.225.161

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.103.247.717	-	11.394.473.714	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.989.558.310	-	18.673.527.139	-
	170.092.806.027	-	30.068.000.853	-
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			153.423.943.429	169.040.286.604
Phải trả người bán, phải trả khác			250.815.188.101	201.383.291.533
Chi phí phải trả			27.484.282.898	17.427.794.892
			431.723.414.428	387.851.373.029

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.103.247.717	-	-	76.103.247.717
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.989.558.310	-	-	93.989.558.310
	<u>170.092.806.027</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>170.092.806.027</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.394.473.714	-	-	11.394.473.714
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.673.527.139	-	-	18.673.527.139
	<u>30.068.000.853</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>30.068.000.853</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	74.043.453.463	79.380.489.966	-	153.423.943.429
Phải trả người bán, phải trả khác	250.815.188.101	-	-	250.815.188.101
Chi phí phải trả	27.484.282.898	-	-	27.484.282.898
	352.342.924.462	79.380.489.966	-	431.723.414.428
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	89.309.796.638	79.730.489.966	-	169.040.286.604
Phải trả người bán, phải trả khác	201.383.291.533	-	-	201.383.291.533
Chi phí phải trả	17.427.794.892	-	-	17.427.794.892
	308.120.883.063	79.730.489.966	-	387.851.373.029

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Là công ty có 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Công ty Tôn Phương Nam	(i)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(ii)

(i) Ông Lê Việt - Ủy viên hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.

(ii) Ông Lại Văn Quyền - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu	44.359.264.867	245.575.834.260
Công ty Tôn Phương Nam	42.445.817.694	245.575.834.260
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.913.447.173	-
Mua hàng	5.241.067.600	-
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	5.241.067.600	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	64.339.483.975	66.398.411.572
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	43.003.673.636	44.003.673.636
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	21.335.810.339	22.394.737.936
Người mua trả tiền trước	72.902.235.170	3.625.659.841
Công ty Tôn Phương Nam	72.902.235.170	3.625.659.841
Phải trả khác	53.472.516.398	53.472.516.398
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	30.966.058.144	30.966.058.144
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	12.347.582.441	12.347.582.441

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	182.768.672	167.204.620
Ông Nguyễn Huy Thọ	182.768.672	167.204.620
Thu nhập của thành viên khác Hội đồng Quản trị	99.000.000	124.500.000
Ông Trần Ngọc Tuấn	27.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thanh Hương	18.000.000	18.000.000
Ông Lại Văn Quyền	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Việt	18.000.000	18.000.000

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Võ Thị Thủy

Người lập

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Trần Thị Thùy Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Thọ

Tổng Giám đốc

